UBND TỈNH QUẢNG BÌNH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN**

**(Áp dụng cho năm học 20…. – 20….)**

Họ và tên:.................................................. ............................Nam, Nữ.......................

Ngày sinh:...............................................Lớp:.............. ....... .......................................

Khoa:......................................................Học kỳ:……. - Năm học**:** 20….. – 20…......

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm**  **tối**  **đa**  **ĐH** | **Điểm**  **tối**  **đa**  **CĐ** | **SV tự đánh giá** | **CS Lớp đánh giá** |
|  | **I/ ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC HỌC TẬP** | **20** | **30** |  |  |
|  | Có ý thức và thái độ trong học tập (đi học đúng giờ, tham gia thảo luận, chuẩn bị bài tốt...)  (Đi học muộn trừ 1 điểm/lần, bỏ học giữa giờ không lý do bị trừ 2 điểm/lần; mỗi buổi nghỉ học không phép bị trừ 2 điểm/ lần; không đủ điều kiện dự thi 01 học phần bị trừ 02 điểm. Không đủ điều kiện dự thi từ 02 học phần trở lên bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí) | **10** | **15** |  |  |
|  | Thưởng điểm cho kết quả học tập (áp dụng kết quả thi lần 1) |  |  |  |  |
| ĐTBCHK từ 3.2 đến 4.0 | **7** | **11** |  |  |
| ĐTBCHK từ 2.0 đến 3.19 | **6** | **10** |  |  |
| ĐTBCHK dưới 2.0 | **0** | **0** |  |  |
|  | Tham gia và đạt giải Olympic hoặc NCKH - cấp Trường  - cấp Khoa  - Tham gia | **3**  **2**  **1** | **4**  **3**  **1** |  |  |
|  | **II/ ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH TRONG NHÀ TRƯỜNG** | **25** | **25** |  |  |
|  | Thực hiện đúng các quy chế của Bộ GD& ĐT và quy định của Nhà trường: Quy chế Đào tạo, Quy chế công tác HSSV, các quy đinh của Trường Đại học Quảng Bình | **6** | **6** |  |  |
|  | -Thực hiện tốt nội quy, quy chế của Nhà trường:  + Trang phục lịch sự, đúng quy đinh, mang thẻ sinh viên khi đến trường (4 điểm)  (Không đeo thẻ SV khi đến trường bị trừ 2 điểm/lần)  + Không nói tục, chửi thề, không gây mất trật tự trong lớp học, không hút thuốc lá trong khuôn viên Trường, giữ gìn vệ sinh chung trong lớp học và khuôn viên Trường (4 điểm)  (Hút thuốc lá trong khuôn viên Trường bị trừ 2 điểm/lần)  + Tôn trọng, lễ phép với cán bộ, viên chức, nhân viên trong Nhà trường, thực hiện tốt các quy định của Khoa (4điểm)  (Có hành vi, lời nói vô lễ với cán bộ, giảng viên, công nhân viên Nhà trường bị trừ 10 điểm/lần 1; (\*)) | **12** | **12** |  |  |
|  | Thực hiện nghĩa vụ SV, đóng học phí, đoàn phí, hội phí đầy đủ, đúng hạn, | **5** | **5** |  |  |
|  | Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, được công nhận cảm tình Đảng, được xét kết nạp Đảng. | **2** | **2** |  |  |
|  | Vi phạm nội quy mượn, trả sách thư viện, bị nhắc nhở, phê bình | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Có hành vi làm mất vệ sinh môi trường hoặc không tham gia phong trào xanh, sạch, đẹp do lớp, khoa, Trường phát động | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Không thực hiện nhiệm vụ trực nhật | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | **III/ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI** | **20** | **20** |  |  |
|  | Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao: (tối đa không quá 9 điểm; mỗi hoạt động cộng 3 điểm)  \* Đối với học kỳ I:  - Tham gia Tuần sinh hoạt công dân HSSV cộng 3 điểm  - Không tham gia trừ 3 điểm | **9** | **9** |  |  |
|  | Tham gia tích cực các hoạt động xã hội *(tuyên truyền bảo hiểm thân thể (BHTT), an toàn giao thông (ATGT), chữ thập đỏ (CTĐ), sức khỏe sinh sản, phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, công tác từ thiện từ cấp khoa trở lên)*. Có xác nhận của các đơn vị tổ chức (tối đa không quá 9 điểm) | **9** | **9** |  |  |
|  | Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: Ma túy/ HIV/AIDS, cờ bạc, lô đề, mại dâm… | **2** | **2** |  |  |
|  | **IV/ĐÁNH GIÁ VỀ PHẨM CHẤT CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG (Mục 1, 2, 3 đánh giá theo tiêu chí có trong Phiếu nhận xét SV ngoại trú, còn SV nội trú phải có Phiếu đánh giá nhận xét nội trú)** | **25** | **15** |  |  |
|  | Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và địa phương nơi cư trú | **5** | **2** |  |  |
|  | Tích cực tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại | **5** | **2** |  |  |
|  | Có lối sống lành mạnh, có mối quan hệ tốt khu dân cư nơi cư trú | **5** | **2** |  |  |
|  | -Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, bạn bè, người có khó khăn, hoạn nạn  -Tham gia xét nghiệm máu nhưng không hiến (có chữ ký của bác sỹ)) | **5**  **5** | **5**  **4** |  |  |
|  | Vi phạm Luật giao thông, ANTT, ATXH có thông báo của các cơ quan gửi về Trường (\*). | **-4/lần** | **-4/lần** |  |  |
|  | Có hành vi không trung thực (biết nhưng báo cáo sai sự thật, tung tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trong và ngoài trường) (\*) | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Lợi dụng công nghệ thông tin đăng, tải, viết, bình luận, chia sẻ, tuyên truyền sai sự thật ảnh hưởng đến uy tín cán bộ, giảng viên và Nhà trường;(tùy theo mức độ có thể xử lý theo Pháp luật, theo Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT) (\*) | **-20** | **-15** |  |  |
|  | **V/ ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÔNG TÁC CÁN BỘ LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG HOẶC SINH VIÊN ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN. (Tổng điểm không quá 10 điểm)** | **10** | **10** |  |  |
|  | Lớp trưởng, Bí thư từ cấp Chi đoàn/lớp trở lên, Chủ tịch Hội sinh viên từ cấp Chi hội trở lên thực hiện tốt chức trách được giao. | **6** | **6** |  |  |
|  | Lớp phó, Phó bí thư từ cấp Chi đoàn trở lên, Phó chủ tịch Hội sinh viên từ cấp Chi hội trở lên thực hiện tốt chức trách được giao. | **4** | **4** |  |  |
|  | Tổ trưởng, ủy viên Ban chấp hành (BCH) từ cấp Chi đoàn, Chi hội trở lên thực hiện tốt chức trách được giao. | **2** | **2** |  |  |
|  | Là thành viên BCS, BCH từ cấp Chi đoàn, Chi hội sinh viên trở lên, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ, không gương mẫu trước tập thể; hoặc tập thể lớp bị xếp loại trung bình, yếu (Trừ theo mức tương đương được cộng theo từng chức vụ). | **-6** | **-6** |  |  |
|  | Sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện, nếu:  -Đạt bằng khen: 4 điểm  - Đạt giấy khen: 3 điểm | **4** | **4** |  |  |
|  | **Tổng điểm tối đa** | **100** | **100** |  |  |

***Ghi chú:***

- Hiến máu tình nguyện: + 10 điểm/lần.

*- Tham gia hoặc liên quan đến tệ nạn ma túy, mại dâm, sống thiếu lành mạnh, chơi lô đề, đánh bạc, uống rượu bê tha, sinh nhật ồn ào, gây hậu quả xấu; tàng trữ các loại văn hóa phẩm có nội dung xấu, vũ khí, hung khí, chất cháy, nổ , các loại hàng cấm (nếu sinh viên vi phạm những nội dung này không được cộng điểm mục IV)(\*)*

*- Thiếu trách nhiệm với bạn bè, che dấu người vi phạm, nói tục, chửi bậy, chơi khuya quá 23h trừ 5 điểm/1 lần, chây lười công việc chung (tùy mức độ vi phạm để trừ điểm)*

*- Sinh viên nào không nộp Phiếu nhận xét Ngoại trú sẽ không cộng điểm mục 1.2.3 phần IV (Sinh viên nộp Phiếu này trước kỳ thi kết thúc học phần một tuần).*

*- Lớp nào nộp Bảng ĐRL muộn thì BCS sẽ bị trừ 5 điểm trong tổng số điểm của học kỳ đó.*

*- Nếu sinh viên tham gia nhiều CLB/hoạt động thì lựa chọn 1 CLB/hoạt động tham gia tốt nhất để xác nhận.*

*(\*) Nếu còn tái phạm sẽ bị xử lý theo Quy chế 42/2007/QĐ-BGDĐT (đối với sinh viên cao đẳng ) và Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT (đối với sinh viên đại học).*

Những sinh viên vi phạm kỷ luật sẽ bị trừ điểm trong tiêu chí tương ứng và trừ đến khi điểm của tiêu chí đó bằng 0 (không có điểm âm trong từng tiêu chí); sinh viên vi phạm nhiều lần ở từng tiêu chí, nếu đã trừ hết số điểm của tiêu chí đó mà còn vi phạm thì tiếp tục trừ điểm trong nội dung đó, nếu trừ hết điểm của nội dung đó mà vẫn vi phạm thì sẽ trừ vào điểm tổng của 5 nội dung.

- Nếu SV bị kỷ luật sẽ bị trừ điểm như sau:

+ Bị khiển trách cấp khoa: Trừ 05 điểm

+ Bị cảnh cáo cấp khoa: Trừ 10 điểm

+ Bị khiển trách trước toàn trường: Trừ 20 điểm

+ Bị cảnh cáo trước toàn trường: Trừ 30 điểm

+ Bị đình chỉ có thời hạn: Năm bị đình chỉ xếp loại rèn luyện kém.

* Phân loại, xếp hạng Điểm rèn luyện như sau:

\* Đại học

+ Từ 90 đến 100 điểm: Loại xuất sắc;

+ Từ 80 đến dưới 90 điểm: Loại tốt;

+ Từ 65 đến dưới 80 điểm: Loại khá;

+ Từ 50 đến dưới 65 điểm: Loại trung bình;

+ Từ 35 đến dưới 50 điểm: Loại yếu;

+ Dưới 35 điểm: Loại kém.

\*Cao đẳng

+ Từ 90 đến 100 điểm: Loại xuất sắc;

+ Từ 80 đến dưới 90 điểm: Loại tốt;

+ Từ 70 đến dưới 80 điểm: Loại khá;

+ Từ 60 đến dưới 70 điểm: Loại trung bình khá;

+ Từ 50 đến dưới 60 điểm: Loại trung bình;

+ Từ 30 đến dưới 50 điểm: Loại yếu;

+ Dưới 30 điểm: Loại kém;

***Những SV có kết quả rèn luyện xếp loại khá, điểm trung bình chung học tập xếp loại khá mới được xét khen thưởng hoặc dự xét học bổng khuyến khích học tập; SV bị kỷ luật từ cảnh cáo cấp trường khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình; SV bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá.***

**KẾT QUẢ:**- Tự xếp loại RL..........................................

- Lớp xếp loại RL:......................................

- Khoa xếp loại RL:.....................................

|  |  |
| --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN CHỦ NHIỆM**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Quảng Bình, ngày tháng năm 20*  **CÁN SỰ LỚP SV TỰ ĐÁNH GIÁ**  *(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)* |